TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 812/2020/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 21 tháng 07 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 681/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 06 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1962; địa chỉ: Lô S đường N, Phường B, quận G.

và bà Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1980; địa chỉ: Lô S đường N, Phường B, quận G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa Ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Tuyết L là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115, ngày 17/10/1998 tại UBND Phường B, quận G.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 01/6/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/7/2020, Ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Tuyết L yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung: Tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 25/02/2002 (trưởng thành) và trẻ tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 09/02/2006 giao Ông Nguyễn Hoàng H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ.

Về cấp dưỡng cho con: Tòa án không giải quyết.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông H và bà L thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc (chia hoặc) không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Tuyết L thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 115, ngày 17/10/1998 tại UBND Phường B, quận G, hết hiệu lực kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Giao ông Nguyễn Hoàng H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 09/02/2006.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Tòa án không giải quyết.

Bà Loan có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Tuyết L phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: 0026322 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.GV
- UBND P17, Q GòVấp
- CCTHADS Q.GV;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thùy Trang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].